

Bài 27
**TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM
TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000**

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS :

1. Về kiến thức

Nhận thức một cách hệ thống, tổng quát về quá trình phát triển của lịch sử dân tộc từ năm 1919 đến năm 2000 qua 5 thời kỳ chính với những đặc điểm lớn của từng thời kỳ. Đồng thời hiểu rõ nguyên nhân cơ bản đã quyết định quá trình phát triển của lịch sử dân tộc, phương hướng đi lên của đất nước, bài học kinh nghiệm lớn của cách mạng Việt Nam.

2. Về kỹ năng

Qua đó rèn luyện kỹ năng hệ thống hoá, lựa chọn sự kiện lịch sử cơ bản, kỹ năng phân tích, xác định những đặc điểm lớn của từng thời kỳ lịch sử từ năm 1919 đến năm 2000.

3. Về thái độ

Trên cơ sở nắm chắc quá trình phát triển của lịch sử dân tộc, hiểu rõ nguyên nhân của quá trình phát triển lịch sử, cung cố niềm tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự tất thắng và tiền đồ của cách mạng.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

1. Về nội dung

Đây là bài tổng kết toàn bộ quá trình lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay (1919 – 2000) với khối lượng kiến thức tương ứng – 32 tiết lý thuyết đã được cung cấp qua 16 bài. Trong khuôn khổ 1 tiết, chỉ có thể nêu được những điểm chính, những sự kiện cơ bản, đặc trưng của từng thời kỳ, giúp HS nắm được hệ thống, tổng quát quá trình phát triển của lịch sử dân tộc.

2. Về phương pháp

Để bài tổng kết được sinh động, có hiệu quả, GV cần cho HS đọc trước bài ở nhà, đặt câu hỏi trước để HS chuẩn bị (Câu hỏi : Nêu những sự kiện cơ bản, đặc

trưng của từng thời kì. Phân tích nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm). Khi trình bày bài giảng, GV nêu câu hỏi cho từng thời kì, câu hỏi về nguyên nhân, bài học để HS trả lời, sau đó tổng kết ngắn gọn.

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Dạy và học bài mới

Mục I – Các thời kì phát triển của lịch sử dân tộc

GV có thể nêu các câu hỏi cho HS thảo luận ; thông qua định hướng của GV, HS nhận thức được những điểm chính, những sự kiện cơ bản, đặc trưng của từng thời kì lịch sử.

1. Thời kì 1919 – 1930

– Tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp đến tình hình kinh tế – xã hội Việt Nam đã tạo cơ sở xã hội để tiếp thu luồng tư tưởng cách mạng mới vô sản.

– Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác – Lênin và truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin về nước, làm chuyển biến phong trào yêu nước chống Pháp từ lập trường tư sản sang lập trường vô sản, dẫn tới sự ra đời một đảng cách mạng của giai cấp vô sản đầu năm 1930.

2. Thời kì 1930 – 1945

– Ba sự kiện trên thế giới ảnh hưởng đến cách mạng Việt Nam : cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933, chủ nghĩa phát xít xuất hiện đe doạ sinh mạng loài người, chủ nghĩa phát xít tấn công gây ra cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

– Cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo đã phát triển không ngừng, qua ba phong trào : phong trào cách mạng 1930 – 1931, đỉnh cao là Xô viết Nghệ – Tĩnh ; phong trào dân chủ 1936 – 1939 và phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945 dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời năm 1945.

3. Thời kì 1945 – 1954

– Hơn 1 năm đầu sau Cách mạng tháng Tám, trong tình hình đất nước gặp muôn vàn khó khăn, thử thách, nhân dân ta vừa xây dựng, củng cố chính quyền, giải quyết nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, vừa đấu tranh chống ngoại xâm, nội phản, bảo vệ chính quyền ; từ cuối năm 1946, tiến hành cuộc kháng

chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược, đồng thời thực hiện nhiệm vụ kiến quốc.

– Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, và từ năm 1950 chống cả sự can thiệp của Mĩ, trải qua nhiều giai đoạn với các mốc : chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947, chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950, chiến thắng Đông – Xuân 1953 – 1954. Điện Biên Phủ là trận thắng lớn nhất, đã quyết định đưa đến việc ký kết Hiệp định Giơnevơ năm 1954 kết thúc chiến tranh, giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

4. Thời kì 1954 – 1975

– Trong hoàn cảnh đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị – xã hội khác nhau, Đảng ta đã đề ra nhiệm vụ cho cách mạng từng miền thuộc hai chiến lược cách mạng khác nhau và nhiệm vụ chung cho cách mạng hai miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền, xác định vị trí, vai trò của cách mạng từng miền. Nhiệm vụ chung là *kháng chiến chống Mĩ, cứu nước*.

– Ở miền Nam, tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên khởi nghĩa (từ Đồng khởi 1959 – 1960) rồi chiến tranh giải phóng (từ giữa năm 1961), kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh, qua năm giai đoạn ta lần lượt đánh bại bốn chiến lược thống trị và xâm lược của năm đời tổng thống Mĩ. Chiến dịch Hồ Chí Minh là trận thắng lớn nhất, đã quyết định kết thúc chiến tranh, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

– Ở miền Bắc, thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sản xuất, lao động xây dựng. Khi Mĩ mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân, miền Bắc kết hợp cả chiến đấu, đồng thời làm nhiệm vụ của hậu phương – chi viện cho tiền tuyến miền Nam và làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia.

5. Thời kì 1975 – 2000

– Cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa từ sau khi đất nước độc lập, thống nhất. Chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển hợp quy luật của cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từ năm 1976 đến năm 2000 qua hai giai đoạn – trước đổi mới và thời kì đổi mới.

– Trong 10 năm đầu từ năm 1976 đến năm 1986 (trước đổi mới) đi lên chủ nghĩa xã hội, bên cạnh thành tựu và ưu điểm, cách mạng nước ta gặp không ít khó khăn, yếu kém, cả sai lầm, khuyết điểm. Khó khăn của ta ngày càng lớn,

sai lầm chậm được sửa chữa, đưa đến khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội, trước hết về kinh tế – xã hội.

– Từ Đại hội VI (12 – 1986) của Đảng, nước ta chính thức bước vào thời kì đổi mới, nhằm khắc phục khó khăn, sửa chữa sai lầm, vượt qua khủng hoảng, đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên. Nó có ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

– Công cuộc đổi mới đất nước đã và đang giành được thắng lợi. Thắng lợi đó đã từng bước đưa đất nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội, qua đó khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.

Mục II – Nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm

GV chỉ cần nêu những điểm chính về nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm.

– Hai nguyên nhân cơ bản, đó là nhân dân ta giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, sáng tạo, chiến đấu kiên cường, dũng cảm vì độc lập tự do ; Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh đạo cách mạng với đường lối đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ. Trong hai nhân tố trên, Đảng lãnh đạo là nhân tố quyết định thắng lợi hàng đầu, chi phối các nhân tố khác của cách mạng Việt Nam.

– Về bài học kinh nghiệm : Năm bài học chủ yếu của cách mạng Việt Nam :

+ Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, một bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta.

+ Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử.

+ Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết : đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

+ Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế.

+ Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

2. Gợi ý trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài

Câu 1. Những thắng lợi lịch sử tiêu biểu từ năm 1930 đến năm 2000.

– Cách mạng tháng Tám với sự thành lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945.

– Kháng chiến chống Pháp với chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 “chấn động địa cầu”.

– Kháng chiến chống Mĩ với Đại thắng mùa Xuân 1975.

– Công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986.

b) Nguyên nhân cơ bản của những thắng lợi cách mạng : Nhiều nguyên nhân, trong đó có 2 nguyên nhân cơ bản (SGK).

Câu 2. Cách mạng nước ta từ năm 1930 đến năm 2000 đã để lại cho Đảng và nhân dân ta 5 bài học kinh nghiệm. HS trình bày như đã nêu trong SGK.

Câu 3. HS có thể lập bảng theo mẫu sau :

Thời kì	Sự kiện tiêu biểu
Thời kì 1919 – 1930
Thời kì 1930 – 1945
.....
Thời kì 1975 – 2000